

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày: 23/01/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Cường

+ Ông Phạm Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà Trần Thị Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025.

* Nguyên đơn: **Phạm Vũ K**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: số xxxxB CMTT, phường x, quận x, thành phố H.

* Bị đơn: **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T.

(Anh K xin vắng mặt, chị D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Vũ K trình bày:** Do có quan hệ quen biết, anh có cho chị D vay số tiền 50.000.000 đồng. Hai bên có làm Hợp đồng vay tiền ngày 07/02/2023 tại Văn phòng Công chứng Phú Mỹ số công chứng 001599, quyền

số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tự thỏa thuận là 3%/tháng.

Anh đã giao tiền đủ cho chị D. Đến hạn trả tiền chị D không trả cho anh số tiền vốn nào, sau đó chị D có trả cho anh tổng cộng được 9.500.000 đồng tiền lãi.

Nay anh yêu cầu chị D trả số tiền là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm (tiền lãi tạm tính khi khởi kiện là 13.900.000 đồng), trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị D nhưng chị D không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh K.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời anh K xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Buộc chị D trả số tiền là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là 24 tháng với mức lãi suất là 1,66%/tháng, với số tiền là 19.920.000 đồng. Trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh K yêu cầu bị đơn chị D trả số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc D cư trú tại ấp Giồng Tân, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh K có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai

vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điều b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh K nhưng chị D vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, chị D đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: anh K cho chị D vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng trên cơ sở tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Thực tế hợp đồng này đã được xác lập và đã được thực hiện. Bị đơn chị D đã nhận tiền vay của anh K nhưng sau đó chị D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của mình như thỏa thuận trong hợp đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình anh K cung cấp Hợp đồng vay tiền ngày 07/02/2023 tại Văn phòng Công chứng Phú Mỹ số công chứng 001599, quyển số 02/2023TP/CC-SCC/HĐGD giữa anh Phạm Vũ K và chị Nguyễn Ngọc D. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Như vậy, chị D không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng vay tài sản nên cần buộc chị D phải trả cho anh K số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về yêu cầu tính lãi: Anh K yêu cầu tính lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 07/02/2023 đến tháng 01/2025 (là 24 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng, với số tiền là 19.920.000 đồng. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên chị D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh K là phù hợp với khoản 1 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Số tiền 50.000.000 đồng x 1,66%/ tháng x 24 tháng = 19.920.000 đồng. Tuy nhiên, anh K trình bày và cung cấp các tin nhắn “Zalo Ngọc Duyên” và bảng kê giao dịch tài khoản ngân hàng của anh Phạm Vũ K thì thể hiện việc chị D có trả cho anh K tổng cộng được 9.500.000 đồng tiền lãi. Như vậy, trừ số tiền lãi chị D đã trả cho anh K thì chị D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả cho anh K là 19.920.000 đồng – 9.500.000 đồng = 10.420.000 đồng.

Như vậy, chị D phải trả cho anh K số tiền vốn và lãi tổng cộng là 60.420.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

[5] Về thời gian trả: Anh K yêu cầu trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của anh K là có cơ sở vì số tiền này chị D để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh K nên cần buộc chị D trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTUVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Vũ K.

Buộc chị Nguyễn Ngọc D có trách nhiệm trả cho anh Phạm Vũ K số tiền 60.420.000 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị D không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị D còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Chị D phải chịu **3.021.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh K số tiền **1.597.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013593 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nguyên